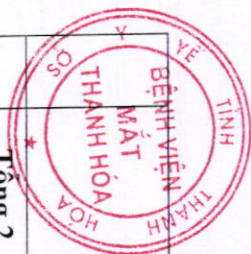




**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH**  
(Tại 1 thời điểm)

**I. SAU ĐẠI HỌC**

| Stt | Mã đào tạo                           | Trình độ        | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ | Nội dung                           | Tên khoa/đơn vị thực hành     | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở đơn vị (8) | Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 5) (9) | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH (10) | Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3) (11) | Số lượng đang học (12) | Số lượng có thể nhận thêm (13) |
|-----|--------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|
| (1) | (2)                                  | (3)             | (4)                 | (5)                       | (6)                                | (7)                           | (8)                                   | (9)                                             | (10)                                   | (11)                                                | (12)                   | (13)                           |
| 1.  | CK<br>62725601                       | BSCKII          | Nhãn khoa           | Nhãn khoa                 | Thực hành khám chữa bệnh nhãn khoa | Khoa Chấn thương - Chính hình | 1                                     | 5                                               | 2                                      | 6                                                   | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    | Khoa Kết giác mạc             | 1                                     | 5                                               | 2                                      | 6                                                   | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    | Khoa Glacom                   | 1                                     | 5                                               | 2                                      | 6                                                   | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    | Khoa Đáy mắt - Màng bồ đào    | 1                                     | 5                                               | 2                                      | 6                                                   | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    |                               | 4                                     | 20                                              | 8                                      | 24                                                  | 0                      | 20                             |
|     | <b>Tổng 1</b>                        |                 |                     |                           |                                    |                               |                                       |                                                 |                                        |                                                     |                        |                                |
| 2.  | CKI<br>607256;<br>Thạc sĩ<br>8720157 | BSCKI,<br>ThsBS | Nhãn khoa           | Nhãn khoa                 | Thực hành khám chữa bệnh nhãn khoa | Khoa Nhãn nhi                 | 1                                     | 5                                               | 5                                      | 15                                                  | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    | Khoa Chấn thương - Chính hình | 1                                     | 5                                               | 5                                      | 15                                                  | 0                      | 5                              |
|     |                                      |                 |                     |                           |                                    | Khoa Kết giác mạc             | 1                                     | 5                                               | 5                                      | 15                                                  | 0                      | 5                              |



|  |                         |  |  |  |                            |   |    |    |    |   |    |
|--|-------------------------|--|--|--|----------------------------|---|----|----|----|---|----|
|  |                         |  |  |  | Khoa Glocom                | 1 | 5  | 5  | 15 | 0 | 5  |
|  |                         |  |  |  | Khoa Đáy mắt - Màng bồ đào | 1 | 5  | 5  | 15 | 0 | 5  |
|  | <b>Tổng 2</b>           |  |  |  |                            | 5 | 25 | 25 | 75 | 0 | 25 |
|  | <b>Tổng Sau đại học</b> |  |  |  |                            | 9 | 45 | 33 | 99 | 0 | 45 |

## II. ĐẠI HỌC

| Stt | Mã đào tạo    | Tình độ            | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tin chỉ | Nội dung                           | Tên khoa/đơn vị thực hành     | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10) | Số giường tại khoa đặt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3) | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|-----|---------------|--------------------|---------------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| (1) | (2)           | (3)                | (4)                 | (5)                       | (6)                                | (7)                           | (8)                                     | (9)                                          | (10)                              | (11)                                           | (12)              | (13)                      |
| 1.  | 7720101       | Bác sỹ             | Đa khoa             | Nhãn khoa                 | Thực hành khám chữa bệnh nhãn khoa | Khoa Nhãn nhi                 | 2                                       | 20                                           | 8                                 | 24                                             | 0                 | 20                        |
|     |               |                    |                     |                           |                                    | Khoa Chấn thương - Chính hình | 1                                       | 10                                           | 8                                 | 24                                             | 0                 | 10                        |
|     |               |                    |                     |                           |                                    | Khoa Kết giác mạc             | 2                                       | 20                                           | 8                                 | 24                                             | 0                 | 20                        |
|     |               |                    |                     |                           |                                    | Khoa Glocom                   | 2                                       | 20                                           | 8                                 | 24                                             | 0                 | 20                        |
|     |               |                    |                     |                           |                                    | Khoa Đáy mắt - Màng bồ đào    | 1                                       | 10                                           | 8                                 | 24                                             | 0                 | 10                        |
|     | <b>Tổng 1</b> |                    |                     |                           |                                    |                               | 8                                       | 80                                           | 40                                | 120                                            | 0                 | 80                        |
|     |               | Cử nhân điều dưỡng | Điều dưỡng          | Nhãn khoa                 | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng  | Khoa Nhãn nhi                 | 1                                       | 10                                           | 10                                | 30                                             | 0                 | 10                        |
| 2.  | 7720301       |                    |                     |                           |                                    | Khoa Chấn thương - Chính hình | 1                                       | 10                                           | 10                                | 30                                             | 0                 | 10                        |

### III. CAO ĐANG

| Sĩt | Mã đào tạo    | Trình độ | Ngành/ chuyên ngành | Môn học/học phần/ Tín chỉ     | Nội dung                               | Tên khoa/đơn vị thực hành                                                                                           | Số lượng NGCD đạt yêu cầu ở đơn vị | Số lượng người học TH tốt đa theo NGCD (x 15) | Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tốt đa theo giường (x 3) | Số lượng đang học | Số lượng có thẻ nhận thêm |
|-----|---------------|----------|---------------------|-------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| (1) | (2)           | (3)      | (4)                 | (5)                           | (6)                                    | (7)                                                                                                                 | (8)                                | (9)                                           | (10)                              | (11)                                           | (12)              | (13)                      |
| 1.  | 6720201       | Cao đẳng | Dược                | Dược LS; Thực hành tốt nghiệp | Thực hành Dược LS; Thực tập tốt nghiệp | Khoa Dược                                                                                                           | 4                                  | 60                                            | 0                                 | 0                                              | 0                 | 60                        |
|     | <b>Tổng 1</b> |          |                     |                               |                                        |                                                                                                                     | <b>4</b>                           | <b>60</b>                                     | <b>0</b>                          | <b>0</b>                                       | <b>0</b>          | <b>60</b>                 |
| 2.  | 6720301       | Cao đẳng | Điều dưỡng          | Nhân khoa                     | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng      | <div>Khoa Nhân nhi</div> <div>Khoa Chấn thương-Chỉnh hình</div> <div>Khoa Kết giáp mạc</div> <div>Khoa Glocom</div> | 1                                  | 15                                            | 11                                | 33                                             | 0                 | 15                        |
|     |               |          |                     |                               |                                        |                                                                                                                     | 1                                  | 15                                            | 11                                | 33                                             | 0                 | 15                        |

|                  |             |                                                  |                                                                              |                                       |    |     |    |     |   |     |
|------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----|-----|----|-----|---|-----|
|                  |             |                                                  |                                                                              | Khoa Dãy mắt-Màng bồ<br>đào           | 1  | 15  | 11 | 33  | 0 | 15  |
|                  |             |                                                  |                                                                              |                                       | 5  | 75  | 57 | 171 | 0 | 75  |
|                  |             |                                                  | Lâm sàng<br>Huyết học;<br>Hóa sinh; Vi<br>sinh-Ký sinh<br>trùng              | Khoa Xét nghiệm-Chẩn<br>đoán hình ảnh | 4  | 60  | 0  | 0   | 0 | 60  |
|                  |             | Huyết<br>học; Hóa<br>sinh; Vi<br>sinh-Ký<br>sinh |                                                                              |                                       | 4  | 60  | 0  | 0   | 0 | 60  |
| Tổng 3           |             |                                                  |                                                                              |                                       | 4  | 60  | 0  | 0   | 0 | 60  |
|                  |             |                                                  | - KT siêu âm<br>chẩn đoán<br>- KT chụp<br>xquang<br>- KT chụp ảnh<br>đáy mắt | Khoa Xét nghiệm-Chẩn<br>đoán hình ảnh | 2  | 30  | 0  | 0   | 0 | 30  |
|                  | Cao<br>đăng | KT hình<br>ảnh Y<br>học                          | Chẩn<br>đoán hình<br>ảnh                                                     |                                       | 2  | 30  | 0  | 0   | 0 | 30  |
| Tổng 4           |             |                                                  |                                                                              |                                       | 2  | 30  | 0  | 0   | 0 | 30  |
| Tổng Cao<br>đăng |             |                                                  |                                                                              |                                       | 15 | 225 | 57 | 171 | 0 | 225 |



**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục I)

**1. BÁC SỸ CHUYÊN KHOA II/ NHÂN KHOA**

| STT | Họ và tên   | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề         | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ               | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên khoa đạt yêu cầu thực hành | Số giường đạt yêu cầu thực hành |
|-----|-------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Lê Viết Tâm | BSCCKII                                 | Nhãn khoa                           | 000338/TH-CCHN      | Khám chữa các bệnh về mắt | > 10 năm               | Nhãn nhĩ; Thể thủy tinh; chấn thương mắt | Glôcôm bẩm sinh;<br>Đục thủy tinh thể bẩm sinh;<br>Bệnh võng mạc trẻ đẻ non;<br>Ung thư võng mạc;<br>Các bệnh mắt do rối loạn chuyển hóa<br>Chấn thương mi, lệ bộ;<br>Chấn thương hốc mắt, dị vật hốc mắt;<br>Chấn thương đục đập nhãn cầu;<br>Chấn thương xuyên nhãn cầu không có dị vật nội nhãn;<br>Chấn thương xuyên nhãn cầu có dị vật nội nhãn;<br>Phẫu thuật thể thủy tinh, chỉnh khúc xạ sau mổ thể thủy tinh<br>Xử lý các biến chứng trong phẫu thuật lấy thể thủy tinh đục | Khoa Chấn thương-Chỉnh hình    | 2                               |



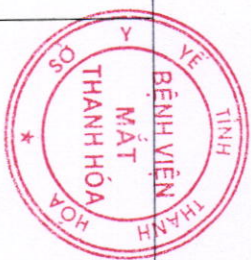
|   |               |        |           |                |                                      |          |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                      |                          |   |
|---|---------------|--------|-----------|----------------|--------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---|
| 2 | Ngô Thanh An  | BSCKII | Nhân khoa | 001714/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Bệnh học<br>Kết giác mạc; củng mạc                    | Viêm củng mạc; thường củng mạc; Thoái hóa giác mạc và kết mạc; Loạn dưỡng giác mạc; Bệnh lý bờ mi: viêm bờ mi, rối loạn chức năng tuyến Meibomius; Viêm loét giác mạc; Viêm nhu mô giác mạc; Phẫu thuật ghép giác mạc;                               | Khoa Kết Giác mạc        | 2 |
| 3 | Phạm Văn Dung | BSCKII | Nhân khoa | 001619/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Bệnh học<br>Glôcôm                                    | Bệnh Glôcôm nhân áp bình thường; Glôcôm thứ phát, một số hình thái của Glôcôm đặc biệt; Phẫu thuật điều trị bệnh Glôcôm, các biến chứng, xử lý                                                                                                       | Khoa Glôcôm              | 2 |
| 4 | Trịnh Văn Lâm | BSCKII | Nhân khoa | 000343/TH-CCHN | Khám chữa các bệnh về Mắt            | > 10 năm | Bệnh học<br>màng bồ đào, dịch kính, võng mạc nâng cao | Thoái hóa võng mạc chu biên và bong dịch kính sau; Bệnh lý mạch máu võng mạc (tắc động mạch, tĩnh mạch, viêm thành mạch võng mạc); Bệnh võng mạc do tăng huyết áp Bệnh học vùng hoàng điểm: phù hoàng điểm, loạn dưỡng, màng trước võng mạc huyết áp | Khoa Dây mắt-Màng bồ đào | 2 |

## 2. BẢNG CHUYÊN KHOA I, THẠC SĨ/NHÂN KHOA

| STT | MÃ THANH HÓA<br>Họ và tên | Học hàm<br>học vị,<br>Chuyên<br>khoa,<br>nội trú... | Ngành,<br>chuyên<br>ngành<br>đã được<br>đào tạo | Chứng chỉ<br>hành nghề | Phạm vi<br>hành nghề                          | Số năm<br>kinh<br>nghiệm<br>KCB | Môn học/<br>học phần/<br>tín chỉ             | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tên khoa<br>đặt yêu<br>cầu thực<br>hành | Số<br>giường<br>đặt yêu<br>cầu thực<br>hành |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Dương Thanh Hưng          | BSCKI                                               | Nhân<br>khoa                                    | 001611/TH<br>-CCHN     | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Mắt | > 10 năm                        | Nhân nhi ;<br>Khúc xạ;<br>Lắc và tạo<br>hình | Bệnh lý mắt sau nhiễm trùng phổi<br>thai;<br>Viêm nội nhãn ở trẻ em;<br>Những bất thường ở nhãn cầu và<br>các hội chứng;<br>Bệnh vòng mạc trẻ đẻ non;<br>Dục thể thủy tinh bẩm sinh;<br>Glôcôm bẩm sinh;<br>Các bệnh mắt do rối loạn nhiễm<br>sắc thể;<br>Các bệnh mắt do rối loạn chuyển<br>hóa;<br>Bệnh lý thần kinh bẩm sinh, di<br>truyền;<br>Đánh giá, điều trị các bất thường<br>đồng tử<br>Tật khúc xạ, các phương pháp<br>điều trị;<br>Khúc xạ lâm sàng: soi bóng đồng<br>tử, đo kính;<br>Dụng cụ và các test áp dụng trong<br>nhân khoa;<br>Nhược thị do tật khúc xạ và<br>phương pháp điều trị;<br>Khiếm thị: khái niệm, nguyên<br>nhân, những trở ngại mà người<br>khiếm thị thường mắc phải;<br>Các biện pháp hỗ trợ khiếm thị;<br>Các thiết bị quang học hỗ trợ; | Khoa<br>Nhân nhi                        | 5                                           |



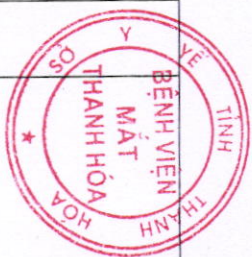
|   |               |       |           |                |                                      |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                |                             |   |
|---|---------------|-------|-----------|----------------|--------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---|
|   |               |       |           |                |                                      |          | Hỗ trợ người có thị trường thu hẹp, ám điểm trung tâm<br>Các kỹ thuật khám lác cơ bản: khám vận nhãn 1 mắt và 2 mắt, test bịt mắt, bịt mắt luân phiên và sử dụng lăng kính;<br>Sinh lý thị giác 2 mắt: phân bố thần kinh vận nhãn, lác đồng hành và bất đồng hành, quá hoạt và kém hoạt động cơ, các vận nhãn có chú ý và không chú ý;<br>Thị giác 2 mắt: tương ứng vòng mạc bình thường và bất thường, ức chế, đường đồng cảm, vùng Panum, hợp thị và thị giác hình nổi, rung giật nhãn cầu, các hội chứng vận nhãn bẩm sinh;<br>Lác ngang cơ năng;<br>Lác chéo, lác chữ A và V, lác giả, nhược thị Lác liệt;<br>Điều trị lác không phẫu thuật;<br>Phẫu thuật điều trị lác;<br>Khám trước và sau mổ bệnh nhân tạo hình mắt;<br>Phẫu thuật tạo hình mí và hốc mắt |                                                                                                                                                                                                                                |                             |   |
| 2 | Trịnh Xuân An | BSCKI | Nhân khoa | 001713/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Chấn thương, lệ bộ, thể thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Các tổn thương mắt do chấn thương đụng giập nhãn cầu, điều trị;<br>Chấn thương xuyên nhãn cầu, có hoặc không có dị vật nội nhãn;<br>Bóng hóa chất, nhiệt và tia;<br>Các di chứng sau bong và điều trị;<br>Chấp lẹo và điều trị | Khoa Chấn thương-Chỉnh hình | 5 |



|   |                 |       |           |                |                                      |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |   |
|---|-----------------|-------|-----------|----------------|--------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|
|   |                 |       |           |                |                                      |          | Bệnh túi lệ: Viêm, khối u, nhiễm trùng;<br>Tác lệ đạo và các phương pháp điều trị<br>Nguyên nhân và hình thái đục thể thủy tinh;<br>Các vấn đề quang học có liên quan đến thể thủy tinh;<br>Thăm khám và đánh giá trước mổ bệnh nhân đục thể thủy tinh;<br>Các phương pháp chỉnh khúc xạ sau mổ lấy thể thủy tinh;<br>Xử lý các biến chứng trong phẫu thuật lấy thủy thể tinh đục;<br>Điều trị đục bao sau bằng laser YAG |                   |   |
| 3 | Nguyễn Văn Tuấn | ThsBS | Nhân khoa | 001692/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Kết giác mạc, cùng mạc<br>Giải phẫu, sinh lý, mô học kết mạc;<br>Viêm kết mạc cấp và mạn tính<br>Viêm loét giác mạc;<br>Viêm nhu mô giác mạc;<br>Viêm củng mạc, thượng củng mạc;<br>Thoái hóa giác mạc và kết mạc;<br>Loạn dưỡng giác mạc<br>Khối u kết giác mạc<br>Chẩn đoán và điều trị hở giác mạc nặng;<br>Phẫu thuật ghép giác mạc;<br>Phẫu thuật quặm, mòng, mức nội nhãn.                                          | Khoa Kết Giác mạc | 5 |



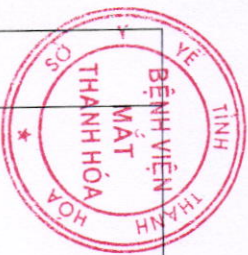
|   |               |       |           |                |                                      |          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                          |   |
|---|---------------|-------|-----------|----------------|--------------------------------------|----------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---|
| 4 | Trình Thị Huệ | BSCKI | Nhân khoa | 001604/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Bệnh học Glôcôm                                    | <p>Nguyên lý và các phương pháp đo nhãn áp, nhãn áp đích;<br/>Do và đánh giá thị trường tĩnh và động;<br/>Góc tiền phòng bình thường và bất thường;<br/>Đánh giá đầu thị thần kinh trong bệnh Glôcôm trên lâm sàng và OCT;<br/>Bệnh Glôcôm góc đóng, góc mở nguyên phát;<br/>Bệnh Glôcôm nhãn áp bình thường, Glôcôm thứ phát, một số hình thái glôcom đặc biệt;<br/>Điều trị glôcom bằng thuốc và laser;<br/>Phẫu thuật điều trị các bệnh Glôcôm các biến chứng, xử lý;<br/>Phát hiện sớm Glôcôm</p> | Khoa Glôcôm              | 5 |
| 5 | Lê Việt Cường | ThsBS | Nhân khoa | 001692/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm | Bệnh học màng bồ đào, dịch kính, võng mạc năng cao | <p>Giải phẫu sinh lý võng mạc;<br/>Thoái hóa võng mạc chu biên và bong dịch kính sau;<br/>Bong võng mạc;<br/>Bệnh lý mạch máu võng mạc;<br/>Bệnh học vùng hoàng điểm;<br/>Bệnh hắc võng mạc trung tâm thanh dịch;<br/>Hội chứng võng mạc chấm trắng, co rút màng ngăn trong;<br/>Viêm hắc võng mạc;<br/>Bong hắc mạc, xuất huyết dưới hắc mạc;<br/>Bệnh hắc võng mạc di truyền;<br/>Bệnh võng mạc tiểu đường;<br/>Bệnh võng mạc do tăng huyết áp;</p>                                                 | Khoa Dãy mắt-Màng bồ đào | 5 |



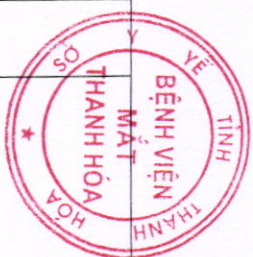
|  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  | Bệnh võng mạc sau chấn thương;<br>Tổn thương trên OCT và chụp<br>mạch ký huỳnh quang trong bệnh<br>lý võng mạc;<br>Điều trị bệnh lý võng mạc bằng<br>thuốc và laser;<br>Viêm nội nhãn (nội, ngoại sinh);<br>Các hình thái viêm màng bồ đào<br>Hội chứng viêm màng bồ đào màng<br>não;<br>Biến chứng viêm màng bồ đào và<br>điều trị;<br>Một số bất thường về giải phẫu,<br>sinh lý màng bồ đào, dịch kính,<br>võng mạc, đĩa thị. |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

### 3. BÁC SỸ ĐA KHOA/NHÂN KHOA

| STT | Họ và tên      | Học hàm<br>học vị,<br>Chuyên<br>khoa,<br>nội trú... | Ngành,<br>chuyên<br>ngành<br>đã<br>được<br>đào tạo | Chứng chỉ<br>hành nghề | Phạm vi<br>hành nghề                          | Số năm<br>kinh<br>nghiệm<br>KCB | Môn học/<br>học phần/<br>tín chỉ           | Nội dung môn học                                                                                                               | Tên<br>khoa<br>đặt yêu<br>cầu thực<br>hành | Số<br>giờ<br>đặt yêu<br>cầu<br>thực<br>hành |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1   | Trần Thị Hương | ThsBS                                               | Nhân<br>khoa                                       | 001715/TH<br>-CCHN     | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Mắt | > 10 năm                        | Nhân nhi                                   | Đục thủy tinh thể bẩm sinh<br>(khám và làm bệnh án)                                                                            | Khoa<br>Nhân nhi                           | 8                                           |
| 2   | Đậu Thị Nhung  | BSCKI                                               | Nhân<br>khoa                                       | 14656/TH-<br>CCHN      | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Mắt | > 05 năm                        |                                            | Biết cách khám và đánh giá lác<br>ngang đơn thuần                                                                              |                                            |                                             |
| 3   | Trịnh Thị Thủy | BSCKI                                               | Nhân<br>khoa                                       | 007376/TH<br>-CCHN     | Khám bệnh,<br>chữa bệnh<br>chuyên khoa<br>Mắt | > 10 năm                        | Chấn<br>thương, lệ<br>bộ, thể<br>thủy tinh | Vết thương mi và lệ bộ (cách<br>khám và cấp cứu người bệnh);<br>Chấn thương nhãn cầu hở có hay<br>không có dị vật giác mạc/nội | Khoa<br>Chấn<br>thương-<br>Chỉnh           | 8                                           |



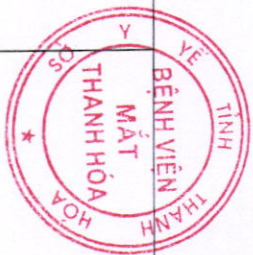
|                                                                                    |                |       |           |                |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                             |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |   |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------|-----------|----------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|
|  |                |       |           |                |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | hình                        |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |   |
|                                                                                    |                |       |           |                |                                      | nhân(biết cách khám, chẩn đoán, cấp cứu các VT nhãn cầu hở)<br>Chẩn thương nhãn cầu kín<br>(khám phát hiện những tổn thương cấu trúc trong chấn thương hốc mắt, chấn thương đụng đập nhãn cầu)<br>Bong mắt và phần phụ (biết cấp cứu bong mắt)<br>Giải phẫu thể thủy tinh;<br>Nguyên nhân và hình thái đục thể thủy tinh;<br>Biết được các phương pháp mổ thể thủy tinh.<br>Chấp, lẹo và cách xử trí |                             |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |   |
| 4                                                                                  | Phạm Thị Hiền  | BSCKI | Nhân khoa | 001689/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Kết mạc, giác mạc, củng mạc | Khám và làm hồ sơ bệnh án Viêm kết mạc nhiễm trùng (lật mi, bóc giả mạc)<br>Viêm giác mạc nhiễm trùng (khám giác mạc với fluorescein, đo đường kính ổ loét, khám cảm giác giác mạc)                                               | Khoa Kết giác mạc | 8 |
| 5                                                                                  | Hoàng Quốc Đạt | BSCKI | Nhân khoa | 14785/TH-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                             |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |   |
| 6                                                                                  | Lê Xuân Đông   | BSCKI | Nhân khoa | 005113/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Glôcôm                      | Cách khám và làm hồ sơ người bệnh Glôcôm;<br>Giải phẫu mắt và biến đổi trong bệnh Glôcôm;<br>Bệnh Glôcôm góc đóng (triệu chứng lâm sàng và phân biệt với các bệnh khác);<br>Bệnh Glôcôm góc mở (triệu chứng lâm sàng và các thuốc | Khoa Glôcôm       | 8 |

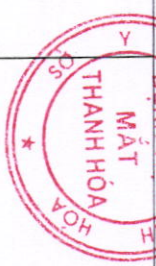


|   |                  |         |           |                |                                      |          |                     |                                                                                                                                                                                                                                |                          |   |
|---|------------------|---------|-----------|----------------|--------------------------------------|----------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---|
| 7 | Hoàng Thanh Toàn | BSCKI   | Nhân khoa | 14759/TH-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 05 năm |                     | điều trị);<br>Cơ chế sản xuất và dẫn lưu thủy dịch;<br>Các phương pháp đo nhãn áp và đánh giá kết quả đo được;<br>Biết cách dùng ánh sáng chiếu xiên đánh giá sơ bộ độ sâu tiền phòng;<br>Các phương pháp đánh giá thị trường; |                          |   |
| 8 | Mai Thị Hiền     | ThsBSNT | Nhân khoa | 016096/TH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt | > 05 năm | Dịch kính, vông mạc | Cách khám và làm hồ sơ Bong vông mạc (nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng) Viêm màng bồ đào (các triệu chứng lâm sàng, nắm được các triệu chứng của viêm màng bồ đào trước, trung gian, sau, toàn bộ)                    | Khoa Dắt mắt-Màng bồ đào | 8 |

#### 4. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

| STT | Họ và tên          | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                                             | Tên khoa đặt yêu cầu thực hành | Số giờ/đạt yêu cầu thực hành |
|-----|--------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1   | Lê Thị Phương Thảo | CNBD                                    | Điều dưỡng                          | 001603/TH-CCHN      | Điều dưỡng        | > 10 năm               | Nhân nhi, khúc xạ          | Cách đọc đơn kính;<br>Thử thị lực và kính lỗ;<br>Cầu tối ưu và test +1<br>Hướng dẫn thử kính trụ;<br>Hướng dẫn thử kính lão thị;<br>Thử kính lỗ và Test +1;<br>Cách sử dụng máy đo khúc xạ tự động, máy đo số kính;<br>Đo nhãn áp ở TE (Dùng | Khoa Nhân nhi                  | 10                           |



|                                                                                     |                |      |            |                |            |          |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                             |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------------|----------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|
|  |                |      |            |                |            |          | Icare...);<br>Cách tra thuốc và xử lý ngộ độc Atropin;<br>Giới thiệu các dụng cụ trợ thị, máy tập nhược thị;<br>Bom thông lệ đạo ở trẻ em |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                             |    |
| 2                                                                                   | Nguyễn Thị Lê  | CNBD | Điều dưỡng | 001702/TH-CCHN | Điều dưỡng | > 10 năm | Chấn thương, lệ đạo, thể thủy tinh                                                                                                        | Một số trường hợp chấn thương thường gặp và cách xử trí<br>Quy trình rửa bóng;<br>Quy trình thay băng, băng che, băng ép;<br>Quy trình lấy dị vật KM-GM nông;<br>Tra thuốc mỡ, tách dính mi cầu<br>Chăm sóc người bệnh;<br>Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt, hốc mắt;<br>Chăm sóc người bệnh chấn thương nhãn cầu<br>Chăm sóc người bệnh sau PT thể thủy tinh;<br>Quy trình bơm rửa lệ đạo;<br>Quy trình bơm thông lệ đạo;<br>Quy trình chích chấp, lẹo. | Khoa chấn thương-Chính hình | 10 |
| 3                                                                                   | Phạm Thị Nhung | CNBD | Điều dưỡng | 001687/TH-CCHN | Điều dưỡng | > 10 năm | Kết mạc, giác mạc                                                                                                                         | Quy trình băng ép trên Bn loét GM dọa thủng;<br>Tra thuốc, truyền rửa mắt;<br>Giới thiệu ngân hàng mắt, tuyên truyền vệ sinh tạng GM;<br>Chăm sóc người bệnh sau viêm loét GM;<br>Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật GM;<br>Chăm sóc người bệnh điều trị - tách dính mi cầu;                                                                                                                                                                                | Khoa Kết giác mạc           | 10 |



|   |                  |      |            |                |            |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                          |    |
|---|------------------|------|------------|----------------|------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----|
|   |                  |      |            |                |            |          | Chăm sóc người bệnh viêm bờ mi, khô mắt;<br>Quy trình bóc giả mạc.                                                                                                                                                                                                                                                             |                          |    |
| 4 | Lê Thị Kim Giang | CNBD | Điều dưỡng | 001597/TH-CCHN | Điều dưỡng | > 10 năm | Glôcôm<br><br>Quy trình đo nhãn áp MacLakov;<br>Thử nghiệm phát hiện sớm TNA;<br>Đánh giá sơ bộ: thu hẹp TT, ám điểm...;<br>Quản lý, theo dõi người bệnh Glôcôm;<br>Tư vấn người bệnh Glôcôm;<br>Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật Glôcôm.                                                                                    | Khoa Glôcôm              | 10 |
| 5 | Phạm Thị Phương  | CNBD | Điều dưỡng | 001607/TH-CCHN | Điều dưỡng | > 10 năm | Dịch kính;<br>Võng mạc;<br>Màng bồ đào<br><br>Chăm sóc người bệnh toàn diện;<br>Chuẩn bị cho làm laser đáy mắt;<br>Chuẩn bị và cách chăm sóc người bệnh sau chụp mạch ký huỳnh quang;<br>Chuẩn bị và cách chăm sóc người bệnh sau tiêm nội nhãn;<br>Quy trình chăm sóc hậu phẫu cho người bệnh phẫu thuật võng mạc, dịch kính; | Khoa Đáy mắt-Màng bồ đào | 10 |

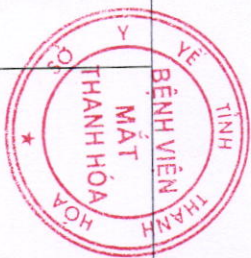
## 5. CAO ĐẲNG DƯỢC

| STT | Họ và tên           | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ        | Nội dung môn học                                                    | Tên khoa đặt yêu cầu thực hành | Số giờ/đạt yêu cầu thực hành |
|-----|---------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1   | Trần Thị Huyền      | DSCKI                                   | Dược                                | 667/TH-CCHND        | Dược              | > 10 năm               | Dược lâm sàng Thực tập tốt nghiệp | Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Bảo cáo ca LS, | Khoa Dược                      | 0                            |
| 2   | Phạm Thị Phương Anh | DSCKI                                   | Dược                                | 2462/TH-CCHND       | Dược              | > 10 năm               |                                   |                                                                     |                                |                              |

|                                                                                    |                |                 |      |                    |      |          |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------|--------------------|------|----------|
|  |                |                 |      |                    |      |          |
| 3                                                                                  | Nguyễn Thị Hợi | Dược sỹ đại học | Dược | 020899/TH-CCHN     | Dược | > 10 năm |
| 4                                                                                  | Ngô Viết Kiên  | Dược sỹ đại học | Dược | 7302/CCHN-D-SYT-TH | Dược | > 10 năm |

6. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

| STT | Họ và tên    | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ         | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tên khoa đạt yêu cầu thực hành | Số giờ/đạt yêu cầu thực hành |
|-----|--------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1   | Trần Thị Hào | CNBD                                    | Điều dưỡng                          | 001591/T H-CCHN     | Điều dưỡng viên   | > 10 năm               | Nhân nhi, khúc xạ                  | Cách đọc đơn kính;<br>Thử thị lực và kính lỗ;<br>Câu tối ưu và test +1<br>Hướng dẫn thử kính trụ;<br>Hướng dẫn thử kính lão thị;<br>Thử kính lỗ và Test +1;<br>Cách sử dụng máy đo khúc xạ tự động, máy đo số kính;<br>Đo nhãn áp ở TE (Dùng Icare...);<br>Cách tra thuốc và xử lý ngộ độc Atropin;<br>Giới thiệu các dụng cụ trợ thị, máy tập nhược thị;<br>Bom thông lệ đạo ở trẻ em | Khoa Nhân nhi                  | 13                           |
| 2   | Hồ Thị Huệ   | CNBD                                    | Điều dưỡng                          | 001594/T H-CCHN     | Điều dưỡng viên   | > 10 năm               | Chẩn thương, lệ đạo, thể thủy tinh | Một số trường hợp chấn thương thường gặp và cách xử trí<br>Quy trình rửa bóng;<br>Quy trình thay băng, băng che, băng ép;<br>Quy trình lấy dị vật KM-GM                                                                                                                                                                                                                                | Khoa Chấn thương-Chỉnh hình    | 11                           |



|   |                    |      |               |                    |                    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                      |    |
|---|--------------------|------|---------------|--------------------|--------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----|
|   |                    |      |               |                    |                    |          | <p>nông;<br/>         Tra thuốc mỡ, tách dính mi cầu<br/>         Chăm sóc người bệnh;<br/>         Chăm sóc người bệnh chấn<br/>         thương mắt, hốc mắt;<br/>         Chăm sóc người bệnh chấn<br/>         thương nhãn cầu<br/>         Chăm sóc người bệnh sau PT<br/>         thể thủy tinh;<br/>         Quy trình bơm rửa lệ đạo;<br/>         Quy trình bơm thông lệ đạo;<br/>         Quy trình chích chấp, lẹo.</p>                                                                                                                   |                      |    |
| 3 | Lê Thị Huyền Trang | CNBD | Điều<br>dưỡng | 020763/T<br>H-CCHN | Điều dưỡng<br>viên | > 10 năm | <p>Kết mạc,<br/>         giác mạc</p> <p>Quy trình băng ép trên Bn loét<br/>         GM dọa thủng;<br/>         Tra thuốc, truyền rửa mắt;<br/>         Giới thiệu ngân hàng mắt, tuyên<br/>         truyền về hiến tặng GM;<br/>         Chăm sóc người bệnh sau viêm<br/>         loét GM;<br/>         Chăm sóc người bệnh sau phẫu<br/>         thuật GM;<br/>         Chăm sóc người bệnh điều trị -<br/>         tách dính mi cầu;<br/>         Chăm sóc người bệnh viêm bờ<br/>         mi, khô mắt;<br/>         Quy trình bóc giả mạc.</p> | Khoa Kết<br>giác mạc | 11 |
| 4 | Trịnh Thị Bích     | CNBD | Điều<br>dưỡng | 007546/T<br>H-CCHN | Điều dưỡng<br>viên | > 10 năm | <p>Glôcôm</p> <p>Quy trình đo nhãn áp MacLakov;<br/>         Thử nghiệm phát hiện sớm TNA;<br/>         Đánh giá sơ bộ: thu hẹp TT, âm<br/>         điểm...;<br/>         Quản lý, theo dõi người bệnh<br/>         Glôcôm;<br/>         Tư vấn người bệnh Glôcôm;<br/>         Chăm sóc người bệnh sau phẫu<br/>         thuật Glôcôm.</p>                                                                                                                                                                                                         | Khoa<br>Glôcôm       | 11 |



|   |              |      |            |                    |                 |          |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                 |    |
|---|--------------|------|------------|--------------------|-----------------|----------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----|
| 5 | Hoàng Thị Hà | CNDD | Điều dưỡng | 001690/T<br>H-CCHN | Điều dưỡng viên | > 10 năm | Dịch kính;<br>Võng mạc;<br>Màng bồ đào | Chăm sóc người bệnh toàn diện;<br>Chuẩn bị cho làm laser đáy mắt;<br>Chuẩn bị và cách chăm sóc người bệnh sau chụp mạch ký huỳnh quang;<br>Chuẩn bị và cách chăm sóc người bệnh sau tiêm nội nhãn;<br>Quy trình chăm sóc hậu phẫu cho người bệnh phẫu thuật võng mạc, dịch kính; | Khoa<br>Đáy mắt-<br>Màng bồ đào | 11 |
|---|--------------|------|------------|--------------------|-----------------|----------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----|

7. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

| STT | Họ và tên         | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú.... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề        | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ                      | Nội dung môn học                                                                                                                                                                                                     | Tên khoa đặt yêu cầu thực hành       | Số giờ/đạt yêu cầu thực hành |
|-----|-------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Phương | Cử nhân                                  | Kỹ thuật xét nghiệm y học           | 019082/T<br>H-CCHN  | Chuyên khoa xét nghiệm   | > 03 năm               | Huyết học, hóa sinh, vi sinh-ký sinh trùng, GPB | Các kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa, huyết học cơ bản;<br>Quy trình chuyển-đúc-cắt-nhuôm mô bệnh học GPB;<br>Kỹ thuật lấy BP vi sinh làm xét nghiệm;<br>Các XN vi sinh cơ bản (sôi tươi, soi trực tiếp, nuôi cấy VK...) | Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh | 0                            |
| 2   | Dương Thị Nhung   | Cử nhân                                  | Kỹ thuật xét nghiệm y học           | 020763/T<br>H-CCHN  | Chuyên khoa xét nghiệm   | > 10 năm               |                                                 |                                                                                                                                                                                                                      |                                      |                              |
| 3   | Nguyễn Thị Phương | Đại học                                  | Công nghệ sinh                      | 020899/T<br>H-CCHN  | Kỹ thuật viên xét nghiệm | > 10 năm               |                                                 |                                                                                                                                                                                                                      |                                      |                              |



|                   |          |            |                    |                          |          |  |  |  |  |
|-------------------|----------|------------|--------------------|--------------------------|----------|--|--|--|--|
| 4031 Lê Phước Nga | Cao đẳng | Xét nghiệm | 005111/T<br>H-CCHN | Kỹ thuật viên xét nghiệm | > 10 năm |  |  |  |  |
|-------------------|----------|------------|--------------------|--------------------------|----------|--|--|--|--|

### 8. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

| STT | Họ và tên     | Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú... | Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo | Chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề                                                   | Số năm kinh nghiệm KCB | Môn học/ học phần/ tín chỉ | Nội dung môn học                                              | Tên khoa đặt yêu cầu thực hành       | Số giờ/đạt yêu cầu thực hành |
|-----|---------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Trình Văn Huy | Bác sỹ                                  | Đa khoa                             | 020899/T<br>H-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt, siêu âm mắt, xquang chẩn đoán | > 10 năm               | Chẩn đoán hình ảnh         | KT siêu âm chẩn đoán<br>KT chụp xquang<br>KT chụp ảnh đáy mắt | Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh | 0                            |
| 2   | Chu Thị Hồng  | Cao đẳng                                | Kỹ thuật hình ảnh                   | 005111/T<br>H-CCHN  | Kỹ thuật viên                                                       | > 10 năm               |                            |                                                               |                                      |                              |

SỞ Y TẾ THANH HÓA  
BỆNH VIỆN MẮT

Phụ lục III

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA NHÂN NHỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**\*(Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhân khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 2        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 19       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 2        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bóng Ambu                        | Cái    | 2        |         |
| 9.  | Bình Oxy các loại                | Cái    | 1        |         |
| 10. | Giường bệnh                      | Cái    | 36       |         |
| 11. | Bộ huyết áp, ống nghe            | Cái    | 2        |         |
| 12. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Xe tiêm                          | Cái    | 1        |         |
| 14. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ | Cái    | 6        |         |
| 15. | Nhiệt kế các loại                | Cái    | 3        |         |
| 16. | Hộp chống shock                  | Cái    | 1        |         |
| 17. | Máy sinh hiển vi khám mắt        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Đèn soi đáy mắt gián tiếp        | Cái    | 1        |         |
| 19. | Bộ đo khám thị lực               | Bộ     | 1        |         |
| 20. | Bộ bơm thông lệ đạo              | Bộ     | 1        |         |
| 21. | Bộ đo nhãn áp                    | Bộ     | 1        |         |
| 22. | Bộ chích chấp                    | Bộ     | 1        |         |



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA CHẨN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH  
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhãn khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 2        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 15       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 2        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bóng Ambu                        | Cái    | 1        |         |
| 9.  | Bình Oxy các loại                | Cái    | 1        |         |
| 10. | Giường bệnh                      | Cái    | 36       |         |
| 11. | Bộ huyết áp, ống nghe            | Cái    | 2        |         |
| 12. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Xe tiêm                          | Cái    | 2        |         |
| 14. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ | Cái    | 7        |         |
| 15. | Nhiệt kế các loại                | Cái    | 3        |         |
| 16. | Hộp chống shock                  | Cái    | 1        |         |
| 17. | Máy sinh hiển vi khám mắt        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Ống quan sát                     | Cái    | 1        |         |
| 19. | Bộ đo khám thị lực               | Bộ     | 1        |         |
| 20. | Bộ đo nhãn áp                    | Bộ     | 1        |         |
| 21. | Bộ chích chấp                    | Bộ     | 1        |         |
| 22. | Bộ bơm thông lệ đạo              | Bộ     | 1        |         |

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA KẾT GIÁC MẠC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
 (Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhân khoa)

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 2        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 27       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 2        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bóng Ambu                        | Cái    | 1        |         |
| 9.  | Bình Oxy các loại                | Cái    | 1        |         |
| 10. | Giường bệnh                      | Cái    | 36       |         |
| 11. | Bộ huyết áp, ống nghe            | Cái    | 3        |         |
| 12. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Xe tiêm                          | Cái    | 2        |         |
| 14. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ | Cái    | 6        |         |
| 15. | Nhiệt kế các loại                | Cái    | 5        |         |
| 16. | Hộp chống shock                  | Cái    | 1        |         |
| 17. | Máy sinh hiển vi khám mắt        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Bộ đo khám thị lực               | Bộ     | 1        |         |
| 19. | Bộ bơm thông lệ đạo              | Bộ     | 1        |         |



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA GLÔCÔM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhân khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 2        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 28       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 3        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bóng Ambu                        | Cái    | 2        |         |
| 9.  | Bình Oxy các loại                | Cái    | 1        |         |
| 10. | Giường bệnh                      | Cái    | 36       |         |
| 11. | Bộ huyết áp, ống nghe            | Cái    | 2        |         |
| 12. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Xe tiêm                          | Cái    | 1        |         |
| 14. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ | Cái    | 6        |         |
| 15. | Nhiệt kế các loại                | Cái    | 4        |         |
| 16. | Hộp chống shock                  | Cái    | 1        |         |
| 17. | Máy sinh hiển vi khám mắt        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Kính Volk 3 mặt gương            | Cái    | 1        |         |
| 19. | Máy đo nhãn áp cầm tay Icare     | Cái    | 1        |         |
| 20. | Bộ đo khám thị lực               | Bộ     | 1        |         |
| 21. | Bộ đo nhãn áp                    | Bộ     | 1        |         |



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA ĐÁY MẮT – MÀNG BỎ ĐÀO  
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhãn khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 2        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 21       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 3        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bóng Ambu                        | Cái    | 1        |         |
| 9.  | Bình Oxy các loại                | Cái    | 1        |         |
| 10. | Giường bệnh                      | Cái    | 36       |         |
| 11. | Bộ huyết áp, ống nghe            | Cái    | 2        |         |
| 12. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Xe tiêm                          | Cái    | 2        |         |
| 14. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ | Cái    | 7        |         |
| 15. | Nhiệt kế các loại                | Cái    | 3        |         |
| 16. | Hộp chống shock                  | Cái    | 1        |         |
| 17. | Máy sinh hiển vi khám mắt        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Kính soi góc tiền phòng          | Cái    | 1        |         |
| 19. | Kính Volk                        | Cái    | 1        |         |
| 20. | Bộ đo khám thị lực               | Bộ     | 1        |         |
| 21. | Bộ đo nhãn áp                    | Bộ     | 1        |         |
| 22. | Bộ chích chấp                    | Bộ     | 1        |         |



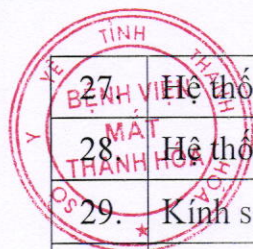
**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA KHÁM BỆNH – CẤP CỨU  
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Sau đại học/Đại học/Cao đẳng điều dưỡng/Nhân khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị                          | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa                     | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                                  | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng                         | Phòng  | 3        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                                | Bộ     | 1        |         |
| 5.  | Ghế đơn                                     | Cái    | 57       |         |
| 6.  | Máy tính                                    | Cái    | 3        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa             | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Bình Oxy các loại                           | Cái    | 1        |         |
| 9.  | Bộ huyết áp, ống nghe                       | Cái    | 2        |         |
| 10. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân                      | Cái    | 1        |         |
| 11. | Xe tiêm                                     | Cái    | 2        |         |
| 12. | Cân                                         | Cái    | 1        |         |
| 13. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ            | Cái    | 4        |         |
| 14. | Nhiệt kế các loại                           | Cái    | 2        |         |
| 15. | Hộp chống shock                             | Cái    | 2        |         |
| 16. | Ghế khám mắt+ bàn đặt máy khúc xạ TSRT400AS | Cái    | 2        |         |
| 17. | Hệ thống đón tiếp                           | HT     | 1        |         |
| 18. | Máy sinh hiển vi khám mắt                   | Cái    | 3        |         |
| 19. | Máy chiếu thử thị lực                       | Cái    | 3        |         |
| 20. | Máy điều trị lác                            | Cái    | 3        |         |
| 21. | Máy đo độ diop kính tự động                 | Cái    | 1        |         |
| 22. | Máy đo khúc xạ tự động                      | Cái    | 2        |         |
| 23. | Máy đo nhãn áp cầm tay                      | Cái    | 1        |         |
| 24. | Kính Volk                                   | Cái    | 2        |         |
| 25. | Đèn soi đáy mắt                             | Cái    | 2        |         |
| 26. | Bộ đo khám thị lực                          | Bộ     | 2        |         |
| 27. | Bộ đo nhãn áp                               | Bộ     | 1        |         |
| 28. | Bộ chích chấp                               | Bộ     | 1        |         |
| 29. | Bộ bơm thông lệ đạo                         | Bộ     | 1        |         |



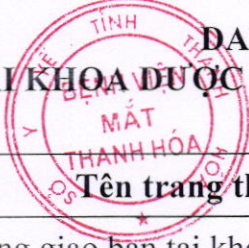
**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ  
TẠI KHOA PHẪU THUẬT – GÂY MÊ HỒI SỨC  
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH  
(Sau đại học/Nhân khoa)**

| STT | Tên trang thiết bị                                   | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa                              | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                                           | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng                                  | Phòng  | 2        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                                         | Bộ     | 1        |         |
| 5.  | Ghế đơn                                              | Cái    | 41       |         |
| 6.  | Máy tính                                             | Cái    | 1        |         |
| 7.  | Bóng Ambu                                            | Cái    | 2        |         |
| 8.  | Bình Oxy các loại                                    | Cái    | 2        |         |
| 9.  | Bình CO2                                             | Cái    | 1        |         |
| 10. | Bộ huyết áp, ống nghe                                | Cái    | 3        |         |
| 11. | Cáng, xe đẩy bệnh nhân                               | Cái    | 2        |         |
| 12. | Xe tiêm                                              | Cái    | 9        |         |
| 13. | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ                     | Cái    | 19       |         |
| 14. | Nhiệt kế các loại                                    | Cái    | 3        |         |
| 15. | Hộp chống shock                                      | Cái    | 2        |         |
| 16. | Bộ đặt nội khí quản                                  | Bộ     | 1        |         |
| 17. | Bộ xử lý mô                                          | Cái    | 4        |         |
| 18. | Máy hút dịch                                         | Cái    | 2        |         |
| 19. | Cân                                                  | Cái    | 1        |         |
| 20. | Máy monitor theo dõi bệnh nhân                       | Cái    | 2        |         |
| 21. | Adaptres và máy laser                                | Cái    | 1        |         |
| 22. | Bể rửa dụng cụ bằng siêu âm                          | Cái    | 1        |         |
| 23. | Bình gas dùng trong phẫu thuật mắt                   | Cái    | 1        |         |
| 24. | Bộ đảo ảnh và BIOM4 dành cho kính hiển vi phẫu thuật | Bộ     | 1        |         |
| 25. | Dao mổ điện cao tần                                  | Cái    | 1        |         |
| 26. | Hệ thống máy mổ dịch kính và PT phaco                | Bộ     | 1        |         |



|     |                                          |     |   |  |
|-----|------------------------------------------|-----|---|--|
| 27. | Hệ thống máy mổ phaco                    | Bộ  | 5 |  |
| 28. | Hệ thống rửa tay vô trùng phòng mổ       | Bộ  | 1 |  |
| 29. | Kính soi đáy mắt 3 mắt gương Sipeen      | Cái | 1 |  |
| 30. | Máy lạnh đông                            | Cái | 2 |  |
| 31. | Máy sinh hiển vi phẫu thuật              | Cái | 6 |  |
| 32. | Máy soi đáy mắt gián tiếp đeo trán       | Cái | 1 |  |
| 33. | Máy tiệt khuẩn                           | Cái | 1 |  |
| 34. | Máy thở                                  | Cái | 2 |  |
| 35. | Nồi hấp tiệt trùng                       | Cái | 3 |  |
| 36. | Nồi hấp tốc độ cao                       | Cái | 1 |  |
| 37. | Nguồn sáng nội nhãn với 2 đầu dò         | Cái | 1 |  |
| 38. | Sinh hiển vi khám bệnh SL-9802x-CSO      | Cái | 1 |  |
| 39. | Thấu kính soi tách góc tiền phòng        | Cái | 1 |  |
| 40. | Bộ dụng cụ phẫu thuật phaco              | Bộ  | 4 |  |
| 41. | Bộ dụng cụ phẫu thuật dịch kính-võng mạc | Bộ  | 1 |  |
| 42. | Bộ dụng cụ vi phẫu                       | Bộ  | 4 |  |
| 43. | Bộ dụng cụ phẫu thuật lác                | Bộ  | 1 |  |
| 44. | Bộ dụng cụ phẫu thuật lệ đạo             | Bộ  | 1 |  |
| 45. | Bộ dụng cụ phẫu thuật ghép giác mạc      | Bộ  | 1 |  |

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA ĐƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**(Cao đẳng Dược)**



| STT | Tên trang thiết bị                   | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa              | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                           | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng                  | Phòng  | 2        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                         | Bộ     | 3        |         |
| 5.  | Ghế đơn                              | Cái    | 30       |         |
| 6.  | Máy tính                             | Cái    | 3        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa      | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Kho thuốc nội trú                    | Cái    | 1        |         |
| 9.  | Kho thuốc ngoại trú                  | Cái    | 1        |         |
| 10. | Kho vật tư                           | Cái    | 1        |         |
| 11. | Tủ lạnh                              | Cái    | 2        |         |
| 12. | Tủ làm mát                           | Cái    | 1        |         |
| 13. | Đồng hồ đo độ ẩm và nhiệt môi trường | Cái    | 1        |         |
| 14. | Nhiệt ẩm kế tự ghi                   | Cái    | 2        |         |
| 15. | Nhiệt kế đo nhiệt độ tủ lạnh         | Cái    | 2        |         |
| 16. | Xe đẩy inox                          | Cái    | 4        |         |

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ**  
**TẠI KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
**(Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học - Kỹ thuật Hình ảnh y học)**

| STT | Tên trang thiết bị               | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------|----------|---------|
| 1.  | Phòng giao ban tại khoa          | Phòng  | 1        |         |
| 2.  | Phòng trực                       | Phòng  | 1        |         |
| 3.  | Các phòng chức năng              | Phòng  | 4        |         |
| 4.  | Bàn ghế ngồi                     | Bộ     | 1        |         |
| 5.  | Ghế đơn                          | Cái    | 19       |         |
| 6.  | Máy tính                         | Cái    | 2        |         |
| 7.  | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa  | Cái    | 1        |         |
| 8.  | Hệ thống máy đọc số hóa X quang  | Cái    | 2        |         |
| 9.  | Máy XQ tổng quát cao tần         | Cái    | 1        |         |
| 10. | Kính hiển vi quang học 2 mắt     | Cái    | 1        |         |
| 11. | Kính hiển vi sinh học 2 mắt      | Cái    | 36       |         |
| 12. | Máy chụp huỳnh quang kỹ thuật số | Cái    | 2        |         |
| 13. | Phần mềm OCT                     | Cái    | 1        |         |
| 14. | Máy chụp OCT bán phần sau        | Cái    | 1        |         |
| 15. | Máy điện tim                     | Cái    | 2        |         |
| 16. | Máy đo khúc xạ kế                | Cái    | 3        |         |
| 17. | Máy đo thị trường tự động        | Cái    | 1        |         |
| 18. | Máy in laser                     | Cái    | 1        |         |
| 19. | Máy in phun màu                  | Cái    | 1        |         |
| 20. | Máy khúc xạ tự động              | Bộ     | 1        |         |
| 21. | Máy laser điều trị               | Cái    | 3        |         |
| 22. | Máy ly tâm                       | Cái    | 2        |         |
| 23. | Máy phân tích huyết học tự động  | Cái    | 1        |         |
| 24. | Máy siêu âm mắt                  | Cái    | 2        |         |
| 25. | Máy sinh hóa bán tự động         | Cái    | 1        |         |
| 26. | Máy xét nghiệm nước tiểu         | Cái    | 2        |         |
| 27. | Máy xét nghiệm sinh hóa          | Cái    | 1        |         |
| 28. | Phần mềm quản lý xét nghiệm      | Cái    | 1        |         |
| 29. | Tủ an toàn sinh học              | Cái    | 1        |         |
| 30. | Tủ âm                            | Cái    | 1        |         |
| 31. | Tủ sấy                           | Cái    | 1        |         |

SỞ Y TẾ THANH HÓA  
BỆNH VIỆN MẮT

Phụ lục bổ sung



**DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

| STT | Tên trang thiết bị                                                            | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                                    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------------------------------------|
| 1.  | Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)                                        | Phòng    | 1        |                                            |
| 2.  | Phòng hội thảo nhỏ(học theo nhóm)                                             | Phòng    | 1        |                                            |
| 3.  | Phòng khách dành cho giáo viên                                                | Phòng    | 2        |                                            |
| 4.  | Các phòng chức năng của khoa (Phòng Tk, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính...) |          |          | Đầy đủ theo quy định của bệnh viện hạng II |
| 5.  | Bảng viết lớn                                                                 | Cái      | 1        |                                            |
| 6.  | Bảng phụ                                                                      | Cái      | 1        |                                            |
| 7.  | Màn hình                                                                      | Cái      | 2        |                                            |
| 8.  | Máy chiếu                                                                     | Cái      | 2        |                                            |
| 9.  | Máy tính                                                                      | Cái      | 2        |                                            |
| 10. | Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa                                               | Phần mềm | 1        |                                            |
| 11. | Bàn ghế ngồi                                                                  | Cái      | 70       |                                            |
| 12. | Ghế đơn                                                                       | Cái      | 210      |                                            |